TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2026/DS-PT
Ngày: 04 – 02 - 2026
V/v tranh chấp chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Võ Hoàng Khải.

Bà Đào Thị Thủy.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Đinh Quốc Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Ông Sơn Cươl – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 288/2025/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 206/2024/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (cũ) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 679/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1936; địa chỉ: Số 159, ấp H, xã Đ, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Việt H, sinh năm 1966; địa chỉ: Số LK.02-41, đường C3, Khu dân cư M, Khóm H, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là Khu vực 1, phường S, thành phố Cần Thơ). (Văn bản ủy quyền ngày 05/11/2018), (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1949 (đã chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn Q:

+ Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1974 (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1976 (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 877, Hương Lộ 2, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, thành phố Hồ Chí Minh).

+ Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1980; địa chỉ: Xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai), (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Bích G, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp C, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Kim V, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp T, xã V, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

+ Bà Trần Thị Ơ, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã Đ, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

2. Bà Trần Thị Ơ, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã Đ, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Văn I, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 045, khóm H, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Xuân C, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 046, khóm H, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

5. Bà Trương Kim Ê, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 049, khóm H, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1938; địa chỉ: Số 30, khóm H, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1939 (đã chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn S:

+ Bà Nguyễn Thị Ô, sinh năm 1959; địa chỉ: Khóm H, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1961; địa chỉ: Khóm H, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1963; địa chỉ: Khóm H, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1965; địa chỉ: Khóm H, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1967; địa chỉ: Khóm H, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp C, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1979; địa chỉ: Khóm H, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Út X, sinh năm 1981; địa chỉ: Khóm H, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn Ư, sinh năm 1983; địa chỉ: Khóm H, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

3. Bà Huỳnh Thị Ă, sinh năm 1942 (đã chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị Ă: Ông Nguyễn Trường Y (Nguyễn Văn Y), sinh năm 1966; địa chỉ: Số 089, khóm H, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Trường Y, sinh năm 1966; địa chỉ: Số 089, khóm H, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

5. Bà Khưu Ngọc Â, sinh năm 1968 (vắng mặt).

6. Ông Khưu Khương K, sinh năm 1973 (vắng mặt).

7. Bà Khưu Ngọc J, sinh năm 1974 (vắng mặt).

8. Bà Khưu Ngọc F, sinh năm 1979 (vắng mặt).

9. Bà Khưu Ngọc W, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số nhà 050 ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường V, thành phố Cần Thơ).

10. Ông Nguyễn Văn OI, sinh năm 1948 (đã chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn OI:

+ Bà Nguyễn Ngọc R, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 196, ấp H, xã Đ, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Tấn TA, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 197, ấp H, xã Đ, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc LA, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 71, ấp T, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc HU, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 196, ấp H, xã Đ, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 196, ấp H, xã Đ, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc NH, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 202, ấp T, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã V, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

11. Ông Nguyễn Văn HT, sinh năm 1950; địa chỉ: Số 79, khóm H, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

12. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1956; địa chỉ: Số 20, ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã N, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

13. Bà Đỗ Thị Th, sinh năm 1960 (vắng mặt).

14. Ông Nguyễn Chế LH, sinh năm 1978 (vắng mặt).

15. Bà Nguyễn Thị OI, sinh năm 1985 (vắng mặt).

16. Bà Nguyễn Thị LI, sinh năm 1987 (vắng mặt).

17. Ông Nguyễn Thành ĐƯ, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 062, khóm H, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ).

18. Bà Nguyễn Thị NA, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 343, ấp O, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã T, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

19. Văn phòng công chứng M, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ: Số 21, đường L, ấp C, thị trấn M, huyện X, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường M, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

20. Ủy ban nhân dân phường K, thị xã Vĩnh Châu.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường K, thành phố Cần Thơ; địa chỉ: Khóm H, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

21. Bà Huỳnh Thị Bảo Tr, sinh năm 1982 (vắng mặt).

22. Cháu Nguyễn Thị Th, sinh năm 2003 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 062, khóm H, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ).

23. Cháu Nguyễn Xuân ĐT, sinh năm 2002 (vắng mặt).

24. Cháu Nguyễn Thị Mỹ LH, sinh năm 2005 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 046, khóm H, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ).

25. Bà Lâm Thúy Li, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 045, khóm H, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường K, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị P, là nguyên đơn (thông qua người đại diện theo ủy quyền).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

***- Theo Đơn khởi kiện ngày 05/11/2018 của bà Nguyễn Thị P, Biên bản lấy lời khai ngày 18/4/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị P và, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Việt H trình bày*:**

Bà Nguyễn Thị P có cha là cụ Nguyễn Văn TA (sinh năm 1917, chết ngày 05/5/2004) và mẹ là cụ Phạm Thị SG (sinh năm 1920, chết ngày 19/4/1964). Vợ chồng cụ TA có 11 người con gồm: Bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị E, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Qi, bà Nguyễn Thị Hn, ông Nguyễn Văn OI, ông Nguyễn

Văn Q, ông Nguyễn Văn HT, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn Vi và bà Nguyễn Thị NA.

+ Ông Nguyễn Văn Qi (sinh năm 1940, chết năm 2014); ông Qưới có vợ là bà Huỳnh Thị Ă và con là ông Nguyễn Trường Y (Nguyễn Văn Y).

+ Bà Nguyễn Thị Hn (sinh năm 1944, chết năm 1984); bà Hn có chồng là ông Khưu Văn He (sinh năm 1929, chết năm 2017) và con là: Ông Khưu Khương K, bà Khưu Ngọc F, bà Khưu Ngọc W, bà Khưu Ngọc J, bà Khưu Ngọc Â.

+ Ông Nguyễn Văn Vi (sinh năm 1956, chết năm 1990); ông Vi có vợ là bà Đỗ Thị Th và con là: Ông Nguyễn Chế LH, ông Nguyễn Thành ĐƯ, bà Nguyễn Thị OI, bà Nguyễn Thị LI.

Sinh thời, cụ TA có tạo lập quyền sử dụng đất diện tích 2.674m^2, thuộc thửa đất số 41, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại khóm Huỳnh Thu, phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu nhưng chưa đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên thửa đất có hơn 10 ngôi mộ của tổ tiên và 01 căn nhà mái tole, vách ván, cột cây dầu, nền láng xi măng được cụ TA xây dựng vào năm 1988.

Cụ TA và cụ SG chết không để lại di chúc. Đến ngày 22/11/2004, ông Q tự ý họp gia tộc và giả mạo chữ ký của Bà P để phân chia di sản của cha mẹ; đồng thời, ông Q còn kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Châu (nay là Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 203990 ngày 02/6/2008 đứng tên ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị Ơ. Sau đó, ông Q và bà Ơ chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho ông Nguyễn Văn I, ông Nguyễn Xuân C, bà Trương Kim Ê. Ngoài ra, vào ngày 04/01/2016, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu ra Quyết định số 01/2016/QĐST-DS công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; theo đó, diện tích 173,7m^2, tại thửa đất nêu trên được sử dụng làm đường đi chung.

Bà P yêu cầu Tòa án giải quyết, chia di sản thừa kế là diện tích 2.500,3m^2 đất gắn liền với căn nhà tại thửa đất nêu trên của cụ TA và cụ SG cho 11 người con theo quy định của pháp luật. Bà P tự định giá căn nhà là 40.000.000 đồng, giá trị quyền sử dụng đất là 600.000.000 đồng; tổng cộng 640.000.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi triệu đồng). Bà P yêu cầu được chia 01 kỷ phận bằng hiện vật trong di sản của cụ TA và cụ SG.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Trần Việt H là người đại diện theo ủy quyền của Bà P có yêu cầu thay đổi nội dung là ông Q bị nhồi máu não từ tháng 10/2013, nên ngày 14/10/2016 ông Q không thể có đủ năng lực hành vi dân sự tham gia giao dịch như người bình thường được, vì thế Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng tại Văn phòng công chứng Sóc Trăng số 625, quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐGD do công chứng viên Lê Minh Ho công chứng ngày 14/10/2016 ghi ông Q không biết chữ là không đúng mà là do ông Q không ký tên được. Đồng thời, tại thời điểm 14/10/2016 phần đất này đang tranh chấp nhưng không được Ủy ban nhân dân phường Khánh Hòa quan tâm giải quyết mà để cho làm hợp đồng chuyển nhượng là không đúng.

+ Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng tại Văn phòng công chứng Sóc Trăng số 625, quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐGD do công

chứng viên Lê Minh Ho công chứng ngày 14/10/2016 là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng bị tuyên bố là vô hiệu.

+ Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 712251 (số vào sổ cấp GCN: CS 00451) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 01/12/2016 cho bà Trương Kim Ê.

+ Chia thừa kế cho nguyên đơn và bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị NA phần diện tích đất tại thửa đất số 174, tờ bản đồ số 16 với diện tích 329,2m^2, tọa lạc tại khóm Huỳnh Thu, phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cộng với phần diện tích đất quanh phạm vi có mồ mả (phần còn lại của thửa đất số 41 nêu trên chưa chuyển nhượng cho bất kỳ ai mà còn trong quyền sử dụng đất của ông Q) để nguyên đơn, bà M và bà NA làm nơi thờ cúng ông bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại Biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 4 năm 2019, Bà P yêu cầu: Vào ngày 22/11/2004, các anh em họp gia tộc tại Văn phòng UBND xã Khánh Hòa (nay là phường Khánh Hòa) Bà P không có tham gia, còn có ai tham gia thì Bà P không biết. Lúc đó, nội dung họp gì thì Bà P không biết, đến khi bà Ơ cho thuê đất bít đường vô phần mộ ông bà thì các anh, em có khởi kiện ra Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, ông Q mới cắt trả ngang 03m, dài 60m ra phần mộ, lúc này Bà P mới biết có Biên bản họp gia tộc này. Khi cụ TA còn sống thì ông Đơ là người nuôi cha nên các anh, chị em trong nhà đều thống nhất cho ông Đơ 10m ngang, dài 60m là 600m^2. Tại Buổi họp gia tộc, tuy Bà P không có tham gia nhưng các anh, em khác đồng ý cho ông Đơ diện tích đất này thì Bà P cũng đồng ý do ông Đơ có công nuôi cha và hiện nay đang thờ cúng cha, nghe nói là ông Đơ đã chuyển nhượng cho ông Đằng thì Bà P không biết và cũng không có ý kiến gì, vì đã cho thì tùy quyền quyết định của ông Đơ.

Các phần đất đã cho ông Đơ, chuyển nhượng cho ông I, chuyển nhượng cho ông C, chuyển nhượng cho ông LH, chuyển nhượng cho ông DG thì Bà P không yêu cầu nữa. Riêng phần đất chuyển nhượng cho bà Ê Bà P không Đ ý, vì phần đất này là nhà thờ tự ông bà để lại. Trong các anh, chị em khác đều đã được cho đất, riêng Bà P, bà M và bà NA chưa được chia đất nên Bà P yêu cầu giữ lại phần đất này để chia cho 03 chị, em bà gồm Bà P, bà M và bà NA.

Phần đất Bà P yêu cầu cho 03 chị, em bà nhận có diện tích 319,6m^2, tại thửa đất số 174, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại khóm Huỳnh Thu, phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trương Kim Ê ngày 02/12/2016, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 712251; có vị trí tứ cận như sau: Hướng Đông Gip thửa 683 của bà Huỳnh Thị UG có số đo 4,49m. Hướng Tây giáp tỉnh lộ 935 có số đo 8,77m. Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Chí LH có số đo 44,12m + 13,75m. Hướng Bắc giáp phần đất nền mộ do ông Q đứng tên quyền sử dụng đất có số đo 34,57m + 10,06m + 14,12m.

Bà P xin nhận đất và trả giá trị cho 02 người em còn lại là bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị NA.

- Bị đơn đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn Nguyễn Văn Q, bà Trần Thị Ơ vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải

quyết, bà Ơ trình bày:

Bà Ơ là vợ của ông Nguyễn Văn Q, Bà P là chị ruột của ông Q. Sau khi kết hôn với ông Q thì vợ chồng bà ở chung với cha mẹ ông Q là cụ Nguyễn Văn TA và cụ Phạm Thị SG. Nguồn gốc phần đất hiện nay Bà P yêu cầu chia thừa kế là của cụ TA và cụ SG. Đến năm 1974, sau khi vợ chồng ông Q và bà Ơ sinh con đầu thì được cha mẹ chồng cho vợ chồng bà Ơ phần đất này. Lúc cho chỉ nói miệng chưa làm giấy tờ nhưng trong các anh, chị em ai cũng biết. Trước đây, cụ TA và cụ SG có rất nhiều đất và theo bà Ơ biết thì các anh, chị em ai cũng được cha mẹ chia cho đất rồi, riêng 03 người con gái là Bà P, bà M và bà NA do lấy chồng nên không được cho. Sau khi cha mẹ chết, các anh, em ông Q tiến hành họp gia tộc và để vợ chồng ông Q và bà Ơ phần đất trên như cha mẹ cho, thực tế đất này vợ chồng ông Q và bà Ơ đã được cha mẹ cho từ khi cha mẹ còn sống. Việc họp gia tộc đúng là không có mặt 03 người Bà P, bà M và bà NA. Tuy nhiên, mọi người đều biết và không ai có ý kiến phản đối nào. Sau khi họp gia tộc thì vợ chồng ông Q và bà Ơ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 02/6/2008. Cũng trong năm 2008, ông Q bị bệnh ngày càng nặng, gia đình quá khó khăn nên vợ chồng bà Ơ chia nhỏ diện tích đất trên để chuyển nhượng, chỉ còn chừa lại một phần. Đến khoảng năm 2016 – 2017, ông Nguyễn Văn S khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Ơ chừa lối đi ra khu mộ gia đình ở phía sau, hai bên tranh chấp và Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu có giải quyết. Theo đó, vợ chồng ông Q và bà Ơ chừa 03m ra mộ. Phần đất còn lại là căn nhà số 48 (cũ), vợ chồng ông Q và bà Ơ tiếp tục ở nhưng sau đó, bệnh ông Q ngày càng nặng, hoàn cảnh quá khó khăn nên vợ chồng ông Q và bà Ơ cùng các con thống nhất chuyển nhượng căn nhà này cho bà Trương Kim Ê để lấy tiền điều trị bệnh cho ông Q. Thủ tục chuyển nhượng chuyển nhượng với bà Ê đều hợp pháp, lúc chuyển nhượng cho bà Ê các anh, chị em ông Q đều biết vì trước khi chuyển nhượng cho bà Ê thì vợ chồng ông Q có hỏi anh, chị em trong nhà trước nếu có ai chuyển nhượng thì ưu tiên nhưng không ai chuyển nhượng mới chuyển nhượng cho bà Ê.

Nay, Bà P yêu cầu chia thừa kế đối với căn phần diện tích đất đã chuyển nhượng cho bà Ê thì bà Ơ không Đ ý, vì đất này đã được cha mẹ cho vợ chồng bà từ trước khi chết và sau đó vợ chồng bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2008 không ai tranh chấp hay có ý kiến gì.

- Bị đơn bà Trương Kim Ê vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết, bà Ê trình bày:

Phần diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị Ơ, vợ chồng ông Q và bà Ơ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2016, do ông Q bệnh nên vợ chồng ông Q và bà Ơ chuyển nhượng cho bà Ê, có làm thủ tục sang tên đầy đủ theo quy định pháp luật và đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ê tại thửa đất số 174, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại khóm Huỳnh Thu, phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng với diện tích 329,2m^2. Sau khi chuyển nhượng, bà Ê chưa sử dụng ngay vì trước đó, ông Q và bà Ơ đã cho ông Lê Văn Gi thuê phần mặt tiền diện tích đất chưa hết thời hạn thuê. Tháng 10/2018, thì thời hạn ông Gi thuê đã hết. Trên phần đất đó có căn nhà tạm, lợp lá, dừng thiết đã mục nát, căn nhà này do ông Gi dựng lên để rửa xe. Khi ông Gi hết hạn thuê, bà Ê đã nhiều lần kêu ông Gi tháo dỡ nhà tạm để

trả đất, việc này có báo với chính quyền địa phương nhưng ông Gi vẫn không tháo dỡ. Đến khoảng đầu tháng 01/2019, bà Ê tiếp tục báo Trưởng ban nhân dân khóm Huỳnh Thu và tiến hành tháo dỡ căn nhà tạm nêu trên sau đó đổ đất sang lấp mặt bằng. Ngoài tháo dỡ nhà tạm trên thì bà Ê có tháo dỡ căn nhà cũ của ông Q và bà Ơ luôn. Lúc tháo dỡ thì có Bà P, bà Nguyễn Thị E và một số con cháu của Bà P, Bà E đến chửi và ném đá vào. Căn nhà ông Q và bà Ơ đã đóng cửa từ năm 2016 đến nay, không có ai ra vô gì và hằng năm các anh, chị em nhà ông Q, Bà P đều về cúng Thanh minh ở phần mộ phía sau nhưng cũng không ai vô nhà hay có ý kiến gì khác đối với việc khóa cửa căn nhà này.

Nay, bà Nguyễn Thị P yêu cầu lấy đất của bà Ê để chia thừa kế, bà Ê không Đ ý, vì phần đất này bà Ê đã chuyển nhượng, sang tên và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn I vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết, ông I trình bày:

Trước đây, ông Nguyễn Thanh Sn (là anh ruột của ông I) có chuyển nhượng phần đất diện tích 865m^2, tại thửa số 650, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại khóm Huỳnh Thu, phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, giá như thế nào thì ông I không biết và chuyển nhượng từ khi nào thì hiện nay ông I cũng không nhớ. Sau này ông Sn cho lại ông I phần đất này nên khi cụ TA chết, các con cụ TA họp thân tộc đồng ý cho ông Q đứng tên toàn bộ quyền sử dụng đất của cụ TA, sau đó thì ông Q mới cắt chuyển phần đất này cho ông I.

Đến năm 2011, ông I có đổi đất với một số người lân cận nên làm lại quyền sử dụng đất mới cũng tại thửa đất đất số 650, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại khóm Huỳnh Thu, phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng có diện tích 1.203,94m^2.

Phần đất này, ông I quản lý sử dụng đổ đất, cho thuê từ năm 2008 đến năm 2018 thì ông I tiến hành xây dựng nhà và Tết Thanh minh hằng năm các anh, chị em của ông Q trong đó có Bà P đều về cúng Thanh minh ở phần mộ phía sau nhưng không ai có ý kiến hay tranh chấp gì khác.

- Đối với bị đơn Nguyễn Xuân C và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn Q là bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Bích L, bà Nguyễn Thị Kim A, ông Nguyễn Thanh Đ, bà Nguyễn Thị Bích G và bà Nguyễn Thị Kim V:

Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P nhưng ông C không có ý kiến gì, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành triệu tập các đương sự và ông C, bà T, bà Ly, bà A, ông Đ, bà G và bà V cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho các đương sự được biết và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 19/9/2024, các ông, bà nêu trên vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn OI đã chết, lúc còn sống, ông Đơ trình bày:

Ông Đơ là em của bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn Q, giữa các anh, chị em đều thuận thảo chứ không có mâu thuẫn gì. Nguồn gốc phần diện tích đất Bà P yêu cầu chia thừa kế là của cha mẹ ông Đơ là cụ Nguyễn Văn TA và cụ Phạm Thị SG để lại. Cụ TA và cụ SG có tất cả 11 người con, các anh em đều thuận thảo chỉ có vợ ông Q là bà Trần Thị Ơ giành phần đất của cha mẹ để lại để chuyển nhượng cho người ta nên Bà P mới tranh chấp. Ông Q và bà Ơ chuyển nhượng đất cho ai thì ông Đơ cũng không được biết.

Vào ngày 22/11/2004, các anh, em họp gia tộc tại Văn phòng UBND xã Khánh Hòa (nay là phường Khánh Hòa) ông Đơ có tham gia, còn những người khác có tham gia nữa nhưng ông Đơ không nhớ có ai vì đã lâu, hơn nữa ông Đơ bị bệnh nên trí nhớ cũng không được tốt lắm. Lúc đó nội dung được ghi trong Biên bản họp gia tộc thì các anh, em đồng ý cho ông Q đăng ký quyền sử dụng đất thửa đất của cha mẹ để lại tại thưa đất số 41, có diện tích là 2674m^2. Sau đó, ông Q có nghĩa vụ cắt chuyển lại cho ông Đơ 600m^2 (10 ngang và dài 60m) ông Q cũng đã thực hiện xong và phần diện tích đất này ông Đơ đã chuyển nhượng lại cho người cháu tên Đằng con của bà Nguyễn Thị E cách nay khoảng 03-04 năm. Ngoài ra, trong Biên bản họp gia tộc còn có quy định ông Q phải cắt nganmg 03m, dài 60m ra phần mộ ông bà. Trước đây ông Q không Đ ý cắt, nhưng năm 2016, do các Ông, em có khởi kiện ra Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thì ông Q mới cắt trả ngang 03m, dài 60m ra phần mộ, việc này cũng đã thực hiện xong.

Nay, bà Nguyễn Thị P yêu cầu chia thừa kế thì ông Đơ không có ý kiến gì, vì ông cũng đã được cho đất xong.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị E vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Bà E trình bày*:**

Bà E là em ruột của bà Nguyễn Thị P và là chị ruột của ông Nguyễn Văn Q, giữa các anh, chị em thuận thảo chứ không có mâu thuẫn gì. Nguồn gốc phần diện tích đất Bà P yêu cầu chia thừa kế là của cha mẹ cụ Nguyễn Văn TA và cụ Phạm Thị SG để lại. Cụ TA và cụ SG có tất cả 11 người con, các anh em đều thuận thảo chỉ có vợ ông Q là bà Trần Thị Ơ giành phần đất của cha mẹ để lại để chuyển nhượng cho người ta nên Bà P mới tranh chấp.

Vào ngày 22/11/2004, Khi cụ TA chết, các anh, em họp gia tộc tại Văn phòng UBND xã Khánh Hòa (nay là phường Khánh Hòa) Bà E không có tham gia, nhưng khi họp xong đưa Biên bản kêu Bà E thì Bà E có ký tên, có nói cho Bà E biết nội dung là chừa 03m ra mộ, cho ông Đơ 10m do có công nuôi cha mẹ và cho ông Q 10m để cất nhà ở giữ mồ mả ông bà. Vì thực tế phần đất này là 2.674m^2, do trước khi đăng ký quyền sử dụng đất ông Q đã chuyển nhượng cho những người khác chỉ còn lại 23m chiều ngang, nhưng do lúc đó thấy ông Q khó khăn nên các anh, chị em cũng đồng ý mà không ai có ý kiến gì.

Nay, các phần đất khác đã cho ông Đơ, chuyển nhượng cho ông I, chuyển nhượng cho ông C, chuyển nhượng cho ông LH, chuyển nhượng cho ông DG thì Bà

E không có ý kiến gì. Riêng phần đất chuyển nhượng cho bà Trương Kim Ê thì Bà E không Đ ý, vì phần đất này là nhà thờ tự ông bà để lại.

Trong các anh, chị em khác đều đã được cho đất, riêng Bà P, bà M và bà NA chưa được chia đất, nên Bà E đồng ý giữ lại phần diện tích đất này giao lại cho 03 chị, em bà gồm Bà P, bà M và bà NA để cất nhà thờ cúng ông bà.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị NA vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà NA trình bày*:**

Bà NA là em ruột của bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn Q, giữa các anh, chị em thuận thảo chứ không có mâu thuẫn gì. Nguồn gốc phần diện tích đất Bà P yêu cầu chia thừa kế là của cha mẹ cụ Nguyễn Văn TA và cụ Phạm Thị SG để lại. Cụ TA và cụ SG có tất cả 11 người con, các anh em đều thuận thảo không có tranh chấp gì cho đến khi bà Ơ chuyển nhượng phần đất là căn nhà thờ tự cho bà Trương Kim Ê thì mấy chị em mới không Đ ý.

Vào ngày 22/11/2004, khi cụ TA chết, các anh, em họp gia tộc như thế nào thì bà NA không có tham gia và không biết họp nội dung là gì. Sau này, bà NA có biết là phần đất của cha mẹ để lại chừa 03m ra mộ, cho ông Đơ 10m, dài 60m là 600m^2 do có công nuôi cha mẹ và cho ông Q 10m, dài 60m là 600m^2 để cất nhà ở giữ mồ mả ông bà. Trước đây, phần đất cha mẹ để lại là 2.674m^2, do trước khi đăng ký quyền sử dụng đất ông Q đã chuyển nhượng cho những người khác chỉ còn lại 23m chiều ngang, do lúc đó thấy ông Q khó khăn, cụ TA còn sống cũng đồng ý nên các anh, chị em cũng đồng ý mà không ai có ý kiến gì.

Nay, các phần đất khác đã cho ông Đơ, chuyển nhượng cho ông Qúi, chuyển nhượng cho ông C, chuyển nhượng cho ông LH, chuyển nhượng cho ông DG thì bà NA không có ý kiến gì. Riêng phần đất chuyển nhượng cho bà Trương Kim Ê thì bà NA không Đ ý, vì phần đất này là nhà thờ tự ông bà để lại.

Trong các anh, chị em khác đều đã được cho đất, riêng bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị NA chưa được chia đất, nên bà NA đồng ý với ý kiến của Bà P là giữ lại phần diện tích đất này giao để 03 chị, em bà gồm Bà P, bà M và bà NA để cất nhà thờ cúng ông bà.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà M trình bày*:**

Bà M là em ruột của bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn Q, giữa các anh, chị em thuận thảo chứ không có mâu thuẫn gì. Nguồn gốc phần diện tích đất Bà P yêu cầu chia thừa kế là của cha mẹ cụ Nguyễn Văn TA và cụ Phạm Thị SG để lại. Cụ TA và cụ SG có tất cả 11 người con, các anh, em đều thuận thảo không có tranh chấp gì cho đến khi bà Ơ chuyển nhượng phần đất là căn nhà thờ tự cho bà Trương Kim Ê thì mấy chị, em mới không Đ ý.

Vào ngày 22/11/2004, khi cụ TA chết, các anh, em họp gia tộc như thế nào thì bà M không có tham gia, và không biết họp nội dung là gì. Sau này, bà M có biết là phần đất của cha mẹ để lại chừa 03m ra mộ, cho ông Đơ 10m do có công nuôi cha mẹ và cho ông Q 10m để cất nhà ở giữ mồ mả ông bà. Vì thực tế phần đất này là 2.674m^2, do trước khi đăng ký quyền sử dụng đất ông Q đã chuyển nhượng cho

những người khác chỉ còn lại 23m chiều ngang, nhưng do lúc đó thấy ông Q khó khăn nên các anh, chị em cũng đồng ý mà không ai có ý kiến gì.

Nay, các phần đất khác đã cho ông Đơ, chuyển nhượng cho ông Qúi, chuyển nhượng cho ông C, chuyển nhượng cho ông LH, chuyển nhượng cho ông DG thì bà M không có ý kiến gì. Riêng phần đất chuyển nhượng cho bà Trương Kim Ê thì bà M không Đ ý, vì phần đất này là nhà thờ tự ông bà để lại.

Trong các anh, chị em khác đều đã được cho đất, riêng bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị NA chưa được chia đất nên bà M đồng ý với ý kiến của Bà P là giữ lại phần diện tích đất này giao để 03 chị, em bà gồm Bà P, bà M và bà NA để cất nhà thờ cúng ông bà.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí LH vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông LH trình bày*:**

Ông Nguyễn Chí LH là con ruột của ông Nguyễn Văn Vi và bà Đỗ Thị Th. Bà Nguyễn Thị P là cô ruột của ông LH và ông Nguyễn Văn Q là bác ruột của ông LH.

Phần diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là đất của cụ nội ông là cụ Nguyễn Văn TA. Cha ông LH là ông Vi chết năm 1990, nên việc đất đai của cụ nội ông LH cũng không biết gì, chỉ biết ông Q được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất này.

Khoảng năm 2013, do không có đất ở nên ông LH có thuê của ông Q 05m ngang, dài hết đất để cất nhà tạm ở và mua bán, sau đó 05 tháng thì ông LH được ông Q chuyển nhượng luôn phần diện tích đất này với giá 250.000.000 đồng, việc chuyển nhượng có làm hợp đồng chuyển nhượng, nhưng do lúc đó ông LH chuyển nhượng nhà xong hết tiền nên chưa làm thủ tục sang tên. Đến năm 2018, ông LH cất nhà mới kêu ông Q làm thủ tục sang tên thì ông Q và bà Ơ đã thế chấp quyền sử dụng đất cho người khác để vay tiền, nên ông LH phải ra 70.000.000 đồng để trả nợ thay ông Q và bà Ơ lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Q và bà Ơ để làm thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất. Khi làm xong thủ tục, thì Bà P khởi kiện nên chưa sang tên và hiện nay ông LH đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Q và bà Ơ.

Theo ông LH biết thì hiện nay ông Q và bà Ơ không còn ở đó nữa mà nghe nói là ở Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, nhưng địa chỉ cụ thể thì ông LH không biết.

Theo ông LH được biết là do căn nhà ông Q và bà Ơ trước đây có thờ cúng ông bà, nhưng khi ông Q và bà Ơ chuyển nhượng nhà chuyển đi nơi khác ở thì ông Nguyễn Văn HT là anh ruột của ông Q đã thỉnh ly hương ông bà về nhà ông Hùng để thờ cúng. Và căn nhà đó được chuyển nhượng cho bà Trương Kim Ê, hiện nay bà Ê đã tháo dỡ căn nhà chỉ còn miếng đất trống.

Năm 2016, trong thân tộc phát sinh tranh chấp 03m đường đi ra mộ là do lúc đó ông Q và bà Ơ chuyển nhượng đất cho bà Ê luôn cả đường ra mộ, sau khi được Tòa án giải quyết thì 03m đó đã được làm lối đi ra mộ và từ 2016 đến nay các cô, bác trong nhà vẫn về đó cúng Thanh minh bình thường.

Nay, bà Nguyễn Thị P yêu cầu lấy đất của ông LH để chia thừa kế, ông LH không Đ ý, vì phần đất này ông đã chuyển nhượng, cất nhà kiên cố, lúc chuyển nhượng đất và cất nhà các cô, bác đều biết nhưng không ai phản đối hay có ý kiến gì, ông LH đã sử dụng ở ổn định từ năm 2013 đến nay.

- Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trường Y, bà Khưu Ngọc Â, ông Khưu Khương K, bà Khưu Ngọc J, bà Khưu Ngọc F, bà Khưu Ngọc W, ông Nguyễn Văn HT, bà Đỗ Thị Th, bà Nguyễn Thị OI, bà Nguyễn Thị LI, ông Nguyễn Thành ĐƯ, Văn Phòng công chứng Mỹ Xuyên, Ủy ban nhân dân Phường Khánh Hòa, Bà Huỳnh Thị Bảo Tr, Bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Xuân ĐT, bà Nguyễn Thị Mỹ LH, bà Lâm Thúy Li; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn OI là bà Nguyễn Ngọc R, ông Nguyễn Tấn TA, bà Nguyễn Thị Ngọc HU, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc NH; những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn S là bà Nguyễn Thị Ô, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn Y, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị O, ông Nguyễn Văn U, bà Nguyễn Thị Út X, ông Nguyễn Văn Ư; người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị Ă là ông Nguyễn Trường Y (Nguyễn Văn Y):

Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P nhưng không ai có ý kiến gì, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành triệu tập các đương sự và các đương sự nêu trên cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho các đương sự được biết và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 19/9/2024**,** các đương sự nêu trên vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (cũ) thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 206/2024/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2024 đã quyết định: Căn cứ: Điều 5, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều Điều 612, Điều 613, Điều 649, Điều 650 và Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, khoản 7 Điều 28, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P với bị đơn bà Trần Thị Ơ, bà Trương Kim Ê và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn Q là bà Trần Thị Ơ, bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Bích L, bà Nguyễn Thị Kim A, ông Nguyễn Thanh Đ, bà Nguyễn Thị Bích G và bà Nguyễn Thị Kim V về tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 319,6m^2, tại thửa đất số 174, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại khóm Huỳnh Thu, phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

cho bà Trương Kim Ê ngày 02/12/2016, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 712251; có vị trí tứ cận như sau: Hướng Đông Gip thửa đất số 683 của bà Huỳnh Thị UG, có số đo 4,49m. Hướng Tây giáp tỉnh lộ 935, có số đo 8,77m. Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Chí LH, có số đo 44,12m + 13,75m. Hướng Bắc giáp phần đất nền mộ do ông Q đứng tên quyền sử dụng đất, có số đo 34,57m + 10,06m + 14,12m.

- Tài sản trên đất có 01 căn nhà của bà Trương Kim Ê, kết cấu căn nhà như sau:

+ Nhà 01 (một) trệt 02 (hai) lầu, nền lót gạch men, tường ốp gạch men, cầu thang cốt thép ốp đá hoa cương, tay cầm bằng gỗ, tường 10cm, mái thái được xây dựng năm 2019 có diện tích 5,27m x 26,42m = 153,8m^2. Tổng diện tích sàn sử dụng là 153,8m^2 x 3 = 461,4m^2.

+ Mái che có kết cấu: Tường xây gạch 10, cột bê tông cốt thép, nền lót gạch men, tường ốp gạch men, trần mủ, mái lợp tol lạnh, cửa đi dạng cuốn có kích thước 5,15m x 5,74m = 32,01m^2.

+ Nhà sau: nền lót gạch men, tường ốp gạch men cao 1,5m, bếp lót gạch đá hoa cương, mái lợp tol lạnh.

+ Hàng rào xây tường 10, cột bê tông cốt thép, có kích thước 92,34m x 8,8m = 20,59m^2) + (4,72m x 5m = 23,60m^2) = 44,19m^2; được xây dựng năm 2019.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/12/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P (thông qua người đại diện theo ủy quyền) có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 206/2024/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (cũ) và được Tòa án cấp sơ thẩm nhận ngày 19/12/2024. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tiếp tục thu thập tài liệu, chứng cứ theo Đơn yêu cầu do Bà P lập ngày 10/5/2019 và ngày 09/6/2020 (BL số 29 và số 381). Đồng thời, yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (cũ) theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà P.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Bà P không rút đơn khởi, không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo và cho rằng:

Kết luận của bản án sơ thẩm không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án, có vi phạm thủ tục tố tụng. Phần đất tranh chấp thuộc thửa đất gốc số 41, tờ bản đồ số 02 là do cha mẹ Bà P tạo lập trước năm 1975, ông Q quản lý, sử dụng từ khi nào thì ông không biết.

Khi anh, em họp gia tộc thì Bà P, bà M và bà NA không có tham gia, nên việc ông Q và bà Ơ dựa vào biên bản họp gia tộc để đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng quy định của pháp luật. Từ đó, ông Q và bà Ơ chuyển nhượng cho bà Ê và bà Ê được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành thửa đất số 174, tờ bản đồ số 16 cũng không đúng quy định. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử thu thập chứng cứ theo yêu cầu của Bà P và yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà P là tuyên bố vô hiệu hợp

đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Q với bà Ê công chứng ngày 14/10/2016; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Ê ngày 01/12/2016 đối với thửa đất số 174, tờ bản đồ số 16 và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 174, tở bản đồ số 16.

+ Đến thời điểm mở phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không có sự thỏa thuận nào liên quan đến việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Bà P và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) – viết tắt là Bộ luật TTDS, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (cũ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần hai, bị đơn (trong đó, có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng) gồm: Bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Bích L, bà Nguyễn Thị Kim A, ông Nguyễn Thanh Đ, bà Nguyễn Thị Bích G, bà Nguyễn Thị Kim V, bà Trần Thị Ơ, ông Nguyễn Văn I, ông Nguyễn Xuân C, bà Trương Kim Ê; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (trong đó, có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng) gồm: Bà Nguyễn Thị E, bà Nguyễn Thị Ô, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn Y, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn U, bà Nguyễn Thị Út X, ông Nguyễn Văn Ư, ông Nguyễn Trường Y (Nguyễn Văn Y), bà Khưu Ngọc Â, ông Khưu Khương K, bà Khưu Ngọc J, bà Khưu Ngọc F, bà Khưu Ngọc W, bà Nguyễn Ngọc R, ông Nguyễn Tấn TA, bà Nguyễn Thị Ngọc LA, bà Nguyễn Thị Ngọc HU, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Ngọc NH, ông Nguyễn Văn HT, bà Nguyễn Thị M, bà Đỗ Thị Th, ông Nguyễn Chế LH, bà Nguyễn Thị OI, bà Nguyễn Thị LI, ông Nguyễn Thành ĐƯ, bà Nguyễn Thị NA, Văn phòng công chứng M, tỉnh Sóc Trăng, Ủy ban nhân dân phường K, thành phố Cần Thơ, bà Huỳnh Thị Bảo Tr, cháu Nguyễn Thị Th, cháu Nguyễn Xuân ĐT, cháu Nguyễn Thị Mỹ LH, bà Lâm Thúy Li, đều vắng mặt không rõ lý do. Việc vắng mặt của những người vừa nêu không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật TTDS, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo; thời hạn kháng cáo của nguyên đơn Bà P là đúng chủ thể có quyền kháng cáo, đảm bảo về hình thức và còn trong thời hạn kháng cáo được quy định tại Điều 271, Điều 272, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật TTDS, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm thì bà Nguyễn Thị O, Tòa án đã có văn bản yêu cầu người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cung cấp hàng thừa kế theo pháp luật của bà Hòa để đưa vào tham gia tố tụng, nhưng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không cung cấp được và cho rằng người thân của bà Hòa không hợp tác và thấy rằng việc giải quyết vụ án không có liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của bà Hòa, bà Hòa cũng không có kháng cáo, nên không cần thiết đưa hàng thừa kế theo pháp luật của bà Hòa vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 74 của Bộ luật TTDS.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn Bà P về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tiếp tục thu thập tài liệu, chứng cứ theo Đơn yêu cầu do Bà P lập ngày 10/5/2019 và ngày 09/6/2020 (BL số 29 và số 381). Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã có văn bản yêu cầu các cơ qaun có liên quan cung cấp, tài liệu chứng cứ, nhưng các cơ quan được yêu cầu không hợp tác, nếu có yêu cầu tiếp thì cũng không có kết quả. Mặt khác, để xem xét, giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì cần đánh giá chứng cứ có hay không có việc cha mẹ của Bà P đã tặng cho đất ông Q và bà Ơ, nếu có việc tặng cho đất thì các giao dịch khác liên quan đến thửa đất được tặng cho không còn liên quan đến Bà P, còn nếu không có việc tặng cho đất ông Q và bà Ơ thì các giao dịch khác liên quan đến thửa đất tranh chấp sẽ bị vô hiệu. Vì vậy, không cần thiết thu thập thêm tài liệu, chứng cứ như yêu cầu kháng cáo của Bà P.

[5] Xét kháng cáo của nguyên đơn Bà P về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (cũ) theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà P. Xét thấy, về di sản thừa kế là quyền sử dụng đất có tranh chấp: Quá trình tham gia tố tụng, các bên đương sự đều trình bày và xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của cụ ông Nguyễn Văn TA tự khai phá vào năm 1976 sử dụng ổn định cho đến năm 1982 cho con là ông Nguyễn Văn Q, đến năm 2008 thì anh em ông Q tiến hành họp gia tộc, ông Q đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 203990, do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Châu (cũ) cấp cho ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị Ơ vào ngày 02/6/2008, thuộc thửa đất số 41, tờ bản đồ số 02, với diện tích là 2.674m^2, tọa lạc tại khóm Huỳnh Thu, phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vợ chồng ông Q và bà Ơ quản lý, sử dụng ổn định sau đó thì chuyển nhượng và tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ lân cận trong đó có con, cháu của cụ TA nhưng không ai phản đối hay có ý kiến gì. Phần đất còn lại do vợ chồng ông Q và bà Ơ trực tiếp quản lý, sử dụng cho đến năm 2015, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị E, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Văn HT, ông Nguyễn Văn OI, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị NA, bà Huỳnh Thị Ă, bà Đỗ Thị Th và ông Khưu Ngọc J cùng khởi kiện vợ chồng ông Q và bà Ơ tại Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu yêu cầu ông Q và bà Ơ giao một phần diện tích đất tại thửa đất số 41, tờ bản đồ 02 vừa nêu trên để làm lối đi vào mộ. Kết quả giải quyết là Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2016/QĐST-DS ngày 04/01/2016. Theo đó, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là ông Q và bà Ơ đồng ý giao lại phần đất diện tích 173,70m^2, nằm trong thửa đất số 41, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại khóm Huỳnh Thu, phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cho các

nguyên đơn để làm lối đi chung. Thời điểm tranh chấp này, các đương sự không ai tranh chấp về việc ông Q và bà Ơ đã được tặng cho đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng không có tranh chấp về chia thừa kế đối với thửa đất này. Do đó, có cơ sở khẳng định, mặc dù Bà P, bà M và bà NA không tham gia vào Phiên họp gia tộc khi làm thủ tục để vợ chồng ông Q và bà Ơ đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 41, tờ bản đồ 02 nêu trên, nhưng Bà P, bà M và bà NA biết rõ và mặc nhiên đồng ý phần đất nêu trên thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của ông Q và bà Ơ cho đến khi các phần đất lân cận chuyển nhượng gần hết thì không còn lối đi ra khu mộ, nên mới phát sinh tranh chấp yêu cầu vợ chồng ông Q và bà Ơ chừa lối đi và đã được Tòa án giải quyết xong. Vì vậy, phần đất tại thửa đất số 41, tờ bản đồ 02 nêu trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông Q và bà Ơ là đúng theo quy định pháp luật, thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông Q và bà Ơ. Do là đất hợp pháp của ông Q và bà Ơ, nên ông Q và bà Ơ có quyền chuyển nhượng thửa đất trên cho bà Trương Kim Ê, các bên đã thực hiện đầy đủ thủ tục chuyển nhượng, hoàn thành toàn bộ quá trình chuyển nhượng và bà Ê đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 712251, ngày 02/12/2016, thành thửa đất số 174, tờ bản đồ số 16, diện tích 319,6m^2, tọa lạc tại khóm Huỳnh Thu, phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (nay là khu vực Huỳnh Thu, phường Khánh Hòa, thành phố Cần Thơ), trên đất có nhà cửa, vật kiến trúc của bà Ê. Từ các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, thửa đất số 174, tờ bản đồ số 16, diện tích 319,6m^2 không còn là di sản thừa kế của cụ TA và cụ SG chết để lại được quy định tại Điều 612 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của Bà P là đúng quy định tại Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Mặc khác, thửa đất số 174, tờ bản đồ số 16 vợ chồng ông Q chuyển nhượng cho bà Ê và bà Ê đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định của pháp luật, nên việc Bà P yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng ngày 14/10/2016 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Ê ngày 01/12/2026 đối với thửa đất số 174, tờ bản đồ số 16 cũng không có căn cứ chấp nhận. Mặc dù, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết đối với toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà P, nhưng trong phần tuyên xử của bản án sơ thẩm chưa được đầy đủ, cụ thể, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bổ sung cho đầy đủ. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp.

[6] Từ những nhận định tại mục [4] và mục [5] nêu trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Bà P là không có căn cứ, nên không được chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật TTDS, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (cũ).

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, nên nguyên đơn Bà P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật TTDS và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, Bà P sinh năm 1936 là người cao tuổi nên được miễn theo quy định tại điểm

đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Bà P và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật TTDS, để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (cũ) là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 206/2024/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ). Án tuyên như sau:

2.1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P với bị đơn bà Trần Thị Ơ, bà Trương Kim Ê và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn Q là bà Trần Thị Ơ, bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Bích L, bà Nguyễn Thị Kim A, ông Nguyễn Thanh Đ, bà Nguyễn Thị Bích G và bà Nguyễn Thị Kim V về tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 319,6m^2, tại thửa đất số 174, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại khóm Huỳnh Thu, phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (nay là khu vực Huỳnh Thu, phường Khánh Hòa, thành phố Cần Thơ), đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trương Kim Ê ngày 02/12/2016, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 712251; có vị trí tứ cận như sau: Hướng Đông Gip thửa đất số 683 của bà Huỳnh Thị UG, có số đo 4,49m. Hướng Tây giáp tỉnh lộ 935, có số đo 8,77m. Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Chí LH, có số đo 44,12m + 13,75m. Hướng Bắc giáp phần đất nền mộ do ông Q đứng tên quyền sử dụng đất, có số đo 34,57m + 10,06m + 14,12m.

- Tài sản trên đất có 01 căn nhà của bà Trương Kim Ê, kết cấu căn nhà như sau:

+ Nhà 01 (một) trệt 02 (hai) lầu, nền lót gạch men, tường ốp gạch men, cầu thang cốt thép ốp đá hoa cương, tay cầm bằng gỗ, tường 10cm, mái thái được xây dựng năm 2019 có diện tích 5,27m x 26,42m = 153,8m^2. Tổng diện tích sàn sử dụng là 153,8m^2 x 3 = 461,4m^2.

Mái che có kết cấu: Tường xây gạch 10, cột bê tông cốt thép, nền lót gạch men, tường ốp gạch men, trần mủ, mái lợp tol lạnh, cửa đi dạng cuốn có kích thước 5,15m x 5,74m = 32,01m^2.

+ Nhà sau: nền lót gạch men, tường ốp gạch men cao 1,5m, bếp lót gạch đá hoa cương, mái lợp tol lạnh.

+ Hàng rào xây tường 10, cột bê tông cốt thép, có kích thước 92,34m x 8,8m = 20,59m^2) + (4,72m x 5m = 23,60m^2) = 44,19m^2; được xây dựng năm 2019.

2.2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng tại Văn phòng công chứng Sóc Trăng số 625, quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐGD do công chứng viên Lê Minh Ho công chứng ngày 14/10/2016 là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng bị tuyên bố là vô hiệu và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 712251 (số vào sổ cấp GCN: CS 00451) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 01/12/2016 cho bà Trương Kim Ê.

2.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản tổng số tiền là 16.328.800 đồng (Mười sáu triệu ba trăm hai mươi tám nghìn tám trăm đồng), bà Nguyễn Thị P phải chịu toàn bộ số tiền này và đã nộp xong.

2.4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị P được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 8 - Cần Thơ
- Phòng THADS khu vực 8 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn